

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THẠNH PHÚ
TỈNH BẾN TRE

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 87/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 25-7-2024

V/v: “Tranh chấp ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠNH PHÚ – TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Văn Phương

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Lâm

Bà Bùi Thị Duyên

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Minh Nhật – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Mai Ly - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 7 năm 2024 tại phòng xét xử của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình oHôn nhân và gia đình số: 202/2024/TLST- HNGĐ ngày 23 tháng 5 năm 2024 về việc “Tranh chấp ly hôn”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 77/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 6 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 60/2024/QĐST-HNGĐ ngày 09 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Ngọc T, sinh năm 1995

Nơi cư trú: Số nhà B, ấp A, xã A, huyện T, tỉnh Bến Tre. (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

* Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T1, sinh năm 1993

Nơi cư trú: Số nhà G, ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Bến Tre. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình tố tụng và theo đơn đơn đề nghị xét xử vắng mặt nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ngọc T trình bày:

Chị và anh Nguyễn Văn T1 quen biết nhau vào khoảng năm 2021, sau một thời

gian tìm hiểu anh chị quyết định tiến tới hôn nhân và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện T, tỉnh Bến Tre vào ngày 03/11/2021. Thời gian đầu vợ chồng sống với nhau hạnh phúc, nhưng sau đó giữa vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng về quan điểm, tính tình không hợp nhau dẫn đến mục đích hôn nhân không đạt được, nay tình cảm vợ chồng không còn, yêu cầu Tòa án giải quyết:

Về hôn nhân: Chị yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Văn T1.

Về con chung: Cháu Nguyễn Ngọc An K, sinh ngày 28/10/2023 hiện đang sống với chị, chị yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung, không yêu cầu anh Nguyễn Văn T1 cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

** Bị đơn anh Nguyễn Văn T1 vắng mặt tại phiên tòa nhưng theo bản tự khai và trong quá trình tố tụng có trình bày:*

Về điều kiện thành hôn, đăng ký kết hôn như chị Nguyễn Thị Ngọc T trình bày là đúng. Vợ chồng không có mâu thuẫn gì trầm trọng, nay chị T yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn thì anh không đồng ý vì còn thương vợ con, mong muốn vợ chồng hàn gắn để cùng lo cho con.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạnh Phú phát biểu ý kiến:

- *Về thủ tục tố tụng:* Thẩm phán chủ tọa phiên tòa trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử nghiêm túc thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Bị đơn anh Nguyễn Văn T1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt, anh Nguyễn Văn T1 không đến Tòa để tham gia hòa giải, tham gia phiên tòa là chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại khoản 16 Điều 70, khoản 1 Điều 72 của Bộ luật tố Tụng Dân sự.

- *Về nội dung giải quyết vụ án:* Căn cứ các Điều 8, 51, 53, 56, 58, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị Ngọc T.

Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Ngọc T được ly hôn với anh Nguyễn Văn T1. Chị Nguyễn Thị Ngọc T không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ chồng nên không xem xét.

Về con chung: Giao cháu Nguyễn Ngọc An K, sinh ngày 18/06/2014 cho chị Nguyễn Thị Ngọc T trực tiếp chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng, anh T1 không cấp dưỡng nuôi con do chị T không có yêu cầu nên không xem xét.

Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị Ngọc T trình bày tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Về nợ chung: Chị Nguyễn Thị Ngọc T trình bày không có, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và ý kiến của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Căn cứ vào đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị Ngọc T, vụ án có quan hệ pháp luật “Tranh chấp ly hôn”, bị đơn anh Nguyễn Văn T1 có nơi cư trú tại huyện T, tỉnh Bến Tre nên Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre có thẩm quyền giải quyết vụ án là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ngọc T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; Bị đơn anh Nguyễn Văn T1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai đến tham gia phiên tòa nhưng vẫn không có mặt. Việc anh T1 vắng mặt không rõ lý do, không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt chị T, anh Nguyễn Văn T1 là đúng theo quy định tại Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[3] Về nội dung vụ án: Xét thấy, chị Nguyễn Thị Ngọc T và anh Nguyễn Văn T1 có tìm hiểu nhau mới tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện T, tỉnh Bến Tre ngày 03/11/2021 nên là hôn nhân hợp pháp. Hôn nhân của anh chị được xây dựng trên tinh thần tự nguyện và tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật nên được pháp luật công nhận và bảo vệ.

[4] Về hôn nhân: Sau khi kết hôn chị Nguyễn Thị Ngọc T và anh Nguyễn Văn T1 có thời gian sống chung hạnh phúc, sau đó phát sinh mâu thuẫn trong cuộc sống, vợ chồng không thể hàn gắn được. Theo biên bản xác minh ngày 19/6/2024 của Tòa án đối với ông Nguyễn Văn H là cha ruột của chị Nguyễn Thị Ngọc T, ông H cho biết: Chị T và anh Nguyễn Văn T1 tiến đến hôn nhân là do tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, trong thời gian sống chung thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do anh T1 không biết lo cho vợ con nên không thể hàn gắn, chị T yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn thì ông đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

Sau khi thụ lý vụ án, tòa án đã tổng đạt cho anh T1 các văn bản tố tụng để anh T1 chứng minh vợ chồng không có mâu thuẫn gì trầm trọng và có các biện pháp hàn gắn cùng chị T để chăm lo cho con nhưng anh T1 không cung cấp được các tài liệu, chứng cứ để chứng minh. Hơn nữa, sau đó Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng anh T1 không tham gia tố tụng cho thấy anh không có thiện chí muốn tiếp tục cuộc hôn nhân với chị T. Xét thấy, tình trạng hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị Ngọc T và anh Nguyễn Văn T1 đã mâu thuẫn đến mức trầm trọng, đời sống hôn nhân không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị Nguyễn Thị Ngọc T yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Văn T1 là có căn cứ, phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về con chung: Cháu Nguyễn Ngọc An K, sinh ngày 28/10/2023 hiện đang sống chung với mẹ, tính đến ngày xét xử cháu Nguyễn Ngọc An K chưa tròn 12 tháng tuổi, chị Nguyễn Thị Ngọc T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung nên giao con chung cho chị Nguyễn Thị Ngọc T trực tiếp chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng là đúng quy định của pháp luật, anh Nguyễn Văn T1 không phải cấp dưỡng nuôi con do chị Nguyễn Thị Ngọc T không có yêu cầu nên không xem xét.

[6] Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị Ngọc T trình bày vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[7] Về nợ chung: Chị Nguyễn Thị Ngọc T trình bày không có, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết.

[8] Về nghĩa vụ cấp dưỡng của vợ chồng: Chị Nguyễn Thị Ngọc T không có yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[9] Về án phí: Chị Nguyễn Thị Ngọc T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại Điều 26, khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

[10] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo Bản án theo quy định của pháp luật tại Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 235 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Áp dụng các Điều 8, 51, 53, 56, 58, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Ngọc T. Chị Nguyễn Thị Ngọc T được ly hôn với anh Nguyễn Văn T1

Về nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng sau khi ly hôn: Chị Nguyễn Thị Ngọc T và anh Nguyễn Văn T1 không có yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

2. Về con chung: Chị Nguyễn Thị Ngọc T trực tiếp chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng cháu Nguyễn Ngọc An K, sinh ngày 28/10/2023, anh Nguyễn Văn T1 không phải cấp dưỡng nuôi con do chị Nguyễn Thị Ngọc T không có yêu cầu nên không xem xét.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai có quyền ngăn cản.

Vì lợi ích của con, trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ, cá nhân, tổ chức, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hay mức cấp dưỡng nuôi con

3. Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị Ngọc T trình bày tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: Chị Nguyễn Thị Ngọc T trình bày không có, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết.

5. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Ngọc T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0000249 ngày 20/5/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre;

6. Quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa án tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre;
- Viện KSND huyện Thạnh Phú;
- Chi cục THADS huyện Thạnh Phú;
- UBND xã An Nhơn, H Thạnh Phú;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Đặng Văn Phương